

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 01/2007/QĐ-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ ban hành
kèm theo Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 05 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

- Bỏ điểm 3.6 và 3.7 khoản 3 (căn cứ xây dựng và chỉnh lý định mức kinh tế - kỹ thuật) của Phần I.
- Sửa đổi, bổ sung tên tiết a điểm 3.2 khoản 3 Mục I Chương hai Phần II như sau:
"a) Phân loại khó khăn cho bản đồ tỷ lệ 1/2000, 1/5000 và 1/10000".
- Sửa đổi số thứ tự thứ 5 Bảng 100 điểm 6.2 khoản 6 Mục I Chương hai Phần III như sau:

"Bản đồ tỷ lệ 1/5000, KCD 20m, tỷ lệ ảnh 1/30000".

4. Sửa đổi Bảng 155 tiết b điểm 7.3 khoản 7 của nội dung vật liệu chế in bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề thuộc Mục IV Chương hai Phần III như sau:

Bảng 155

TT	Danh mục	ĐVT	Điện kẽm	Phơi bản	In thử	In thật
1	Sổ ghi chép công tác	Quyển	0.16	0.24	0.16	1.58
2	Cồn kỹ thuật	Lít	0.11	1.68		
3	Khăn mặt	Cái	0.34	0.86	0.62	7.23
4	Xà phòng	Kg	0.16	0.35	0.65	2.62
5	Giẻ lau máy	Kg			1.56	1.85
6	Axit Acetic	ml		145.92		
7	Amoniac	ml		15.44		
8	Glyxerin	Gam		51.48		161.28
9	Bút lông	Cái			4.20	
10	Bút khắc, kim khắc	Cái			1.80	
11	Bóng đèn halogen	Cái		0.02		
12	Bicromat Amonium	Gam		29.17		
13	Lòng trắng trứng	Gam		411.84		
14	Axit Nitric	ml	0.60	205.92		
15	Phèn chua	Gam		68.64		
16	Phấn tan	Gam		94.44	62.40	5427.24
17	Gôm Arabic	Gam		145.92	93.60	264.85
18	Axit Sunfuaric	ml	2.40	274.56		
19	Axit lactic	ml		15.44		
20	Axit fomic	Gam		7.68		
21	Lắc Đức	Gam		36.00		
22	Xăng	Lít	2.40	0.38	1.25	4.07